

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 112/2026/HS-ST

Ngày 12 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Nga

Ông Đỗ Đức Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Mai Thị V, sinh năm 1974, tại Ninh Bình; số CCCD: 036174009926; nơi cư trú: 2 H, phường N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị V1 (đã chết); chồng: Đặng Anh D (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo Mai Thị V bị bắt tạm giam từ ngày 26/01/2026 đến ngày 23/03/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn B (có mặt).

2. Dương Thị Á, sinh năm 1983, tại Ninh Bình; số CCCD: 036183010711; nơi cư trú: 5, đường V, phường T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quang T (đã chết) và bà Ninh Thị C; chồng Nguyễn Trung Đ (đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo Dương Thị Á bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2025 đến ngày 23/3/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần B1 (gọi tắt là Công ty B1), mã số thuế: 0600200635; địa chỉ xã H, tỉnh Ninh Bình, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/9/2000. Ông Phạm Trung T1, sinh năm 1947, trú tại xã H, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty B1.

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S), mã số thuế: 0108420070, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 30/8/2018; địa chỉ trụ sở đăng ký trước sáp nhập địa giới hành chính: Thôn X, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội (đến ngày 30/9/2021 chuyển địa chỉ trụ sở đến số nhà D H, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng). Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1995; trú tại xã T, tỉnh Nghệ An. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu gỗ ván ép. Công ty dừng hoạt động từ 18/4/2022.

Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G), mã số thuế: 0108793097, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21/6/2019; địa chỉ trụ sở đăng ký trước sáp nhập địa giới hành chính: Ngã tư S, xã S, huyện H, thành phố Hà Nội (đến ngày 30/6/2020 chuyển địa chỉ đến khu A xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ). Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc Công ty là Nguyễn Văn M, sinh năm 1993; trú tại xã T, tỉnh Nghệ An. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu gỗ ván ép. Công ty dừng hoạt động từ 20/2/2023.

Từ tháng 3/2019 đến tháng 01/2020, Nguyễn Thị Thúy H sinh năm 1990, trú tại: Thôn T, xã P, thành phố Hà Nội, là kế toán của Công ty S và Công ty G. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty S và Công ty G thu mua hàng hoá, nguyên liệu (gỗ) đầu vào từ người dân nhưng không có hoá đơn, chứng từ. Nguyễn Thị Thúy H tìm mua hoá đơn GTGT không (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) để hợp thức hoá đầu vào là gỗ nhóm 5 đến nhóm 8 cho 2 Công ty và sử dụng hoá đơn để kê khai, khấu trừ thuế GTGT. Do quen biết với Dương Thị Á từ trước, nên H đã liên hệ với Á để giao dịch mua trái phép 74 số hoá đơn không (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) của Công ty Cổ phần B1 với giá là 6% giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên các hoá đơn. Khi nào cần hoá đơn, H sử dụng điện thoại liên hệ, cung cấp thông tin cho Dương Thị Á, số lượng hàng hoá, đơn giá cần viết trên hoá đơn không. Á tiếp tục liên hệ với Mai Thị V để mua 74 hoá đơn trên với giá 5% của tổng giá trị hàng hoá chưa thuế ghi trên hoá đơn, khi nhận được thông tin từ H chuyển đến, Á đã chuyển cho Mai Thị V để V sử dụng ứng dụng Zalo điện thoại liên hệ, chuyển thông tin cho Phạm Trung T1 là Giám

độc và Vũ Thị N là Kế toán của Công ty cổ phần B1 để mua 74 hoá đơn GTGT không (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) của Công ty cổ phần B1 xuất cho Công ty S, số lượng 35 hoá đơn và Công ty G, số lượng 39 hoá đơn, với tổng giá trị hàng hoá chưa thuế là 28.680.000.000đ, tổng tiền thuế VAT là 2.868.000.000 đồng. Mai Thị V mua của Phạm Trung T1 với giá là 5% của tổng giá trị hàng hoá chưa thuế ghi trên hoá đơn bán lại cho Á 74 hoá đơn trên với số tiền 5,5% của tổng giá trị hàng hoá chưa thuế ghi trên hoá đơn, V thu lợi bất chính số tiền 143.400.000đồng chênh lệch là 0,5% tổng giá trị hàng hoá chưa thuế ghi trên hoá đơn. Dương Thị Á tiếp tục bán lại hoá đơn cho Nguyễn Thị Thúy H với số tiền là 6% của tổng giá trị hàng hoá chưa thuế ghi trên hoá đơn, Á thu lợi bất chính số tiền 143.400.000đồng chênh lệch là 0,5% tổng giá trị hàng hoá chưa thuế ghi trên hoá đơn.

Về việc chuyển tiền, đảo tiền để hợp thức chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với các hóa đơn không: Sau khi Công ty S và Công ty G chuyển tiền đến tài khoản của Công ty cổ phần B1 để hợp thức thanh toán qua Ngân hàng đối với các hóa đơn không (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo), Phạm Trung T1 và Vũ Thị N ký không chứng từ là Phiếu rút tiền hay còn gọi là Séc rút tiền (trên chứng từ chưa viết nội dung) gửi cho Mai Thị V. Mai Thị V hoặc Dương Thị Á viết nội dung rút tiền trên chứng từ và đem đến Ngân hàng B2 để rút tiền ra khỏi tài khoản số 48010000601891 của Công ty cổ phần B1. Số tiền rút ra khỏi tài khoản của Công ty cổ phần B1 được Á hoặc V nộp, chuyển khoản đến tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị Thúy H (số tài khoản 19025235439011) hoặc các số tài khoản do H chỉ định.

Về việc thanh toán, trả tiền mua bán trái phép hóa đơn: Nguyễn Thị Thúy H trả tiền mua trái phép hóa đơn cho Dương Thị Á thông qua hình thức chuyển khoản hoặc nộp tiền vào tài khoản cá nhân của Á, số tài khoản 48010000453010. Dương Thị Á trả tiền mua hóa đơn cho Mai Thị V được thực hiện theo hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản. Mai Thị V trả tiền mua hóa đơn cho Phạm Trung T1 được thực hiện theo hình thức nộp tiền vào tài khoản hoặc chuyển khoản tiền từ tài khoản cá nhân của V đến tài khoản cá nhân của Vũ Thị N hoặc nộp, chuyển tiền đến các số tài khoản do Phạm Trung T1 chỉ định.

1. Hành vi mua bán 39 hóa đơn của Công ty Cổ phần B1 cho Công ty TNHH G:

Từ ngày 02/9/2019 đến ngày 20/01/2020, Nguyễn Thị Thúy H đã mua từ Dương Thị Á tổng cộng 39 hóa đơn GTGT “không” (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) của Công ty B1 xuất cho Công ty G với tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn là 18.100.000.000đồng, tổng tiền thuế VAT là 1.810.000.000đồng, tổng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 19.910.000.000đồng. Về số tiền để hợp thức chứng từ thanh toán hóa đơn: Tổng số tiền Nguyễn Thị Thúy H sử dụng để hợp thức chứng từ thanh toán 39 số hóa đơn là

19.910.000.000đồng, trong đó: Số tiền Dương Thị Á, Mai Thị V nộp vào tài khoản của Công ty G là 11.340.000.000đồng; còn lại số tiền 8.570.000.000đồng là nguồn tiền từ bên phía Công ty G, trong đó H trực tiếp nộp vào tài khoản Công ty là 8.225.000.000đồng (H khai nhận số tiền này là của ông Y ZUOSONG đưa H nộp vào tài khoản của Công ty G), cụ thể:

- Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 12/3/2020, việc chuyển tiền, đảo tiền để hợp thức chứng từ thanh toán hóa đơn qua Ngân hàng của các tài khoản Công ty B1, Công ty G và của Dương Thị Á, Mai Thị V và Nguyễn Thị Thúy H như sau:

Dương Thị Á đã 8 lần rút tổng số tiền 22.821.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty B1; sau đó Á nộp 4 lần tiền vào tài khoản của Công ty G với tổng số tiền 10.387.962.921 đồng. Công ty G 6 lần chuyển số tiền 12.360.000.000 đồng cho Công ty B1. Sau đó Á rút tiền từ Công ty B1 để chuyển cho Nguyễn Thị Thúy H và các tài khoản do H chỉ định 5 lần với tổng số tiền 12.380.271.941đồng.

Mai Thị V đã 3 lần rút tổng số tiền 2.245.000.000đồng từ tài khoản Công ty cổ phần B1, sau đó V nộp vào tài khoản của Công ty G số tiền là 950.000.000đồng. V đưa cho Á 2 lần với tổng số tiền 1.294.373.414đồng để Á chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Thúy H và các tài khoản do H chỉ định.

Về nguồn gốc số tiền Dương Thị Á và Mai Thị V rút ra khỏi tài khoản của Công ty B1 và nộp vào tài khoản của Công ty G là tiền của bên phía Nguyễn Thị Thúy H, sử dụng để hợp thức việc thanh toán mua bán hàng hóa không có thật và đảo tiền.

- Về số tiền mua bán trái phép hóa đơn: Tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên 39 số hóa đơn GTGT không của Công ty B1 xuất cho Công ty G là 18.100.000.000đồng.

+ Nguyễn Thị Thúy H thanh toán trả tiền mua hóa đơn cho Dương Thị Á với số tiền là 1.086.000.000đồng (18.100.000.000 đồng x 6%) tương đương 6% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

+ Dương Thị Á thanh toán trả, tiền mua hóa đơn cho Mai Thị V với số tiền là 995.500.000đồng (18.100.000.000đồng x 5,5%) tương đương với 5,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. Dương Thị Á hưởng lợi bất chính số tiền là 90.500.000đồng (18.100.000.000 đồng x 0,5%) tương đương với 0,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

+ Mai Thị V thanh toán, trả tiền mua hóa đơn cho Phạm Trung T1 với số tiền là 905.000.000 đồng (18.100.000.000đồng x 5%) tương đương với số tiền 5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. Mai Thị V hưởng lợi bất chính số tiền là 90.500.000đồng (18.100.000.000đồng x 0,5%) tương đương với 0,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

2. Hành vi mua bán hóa đơn của Công ty B1 với Công ty TNHH S:

Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 16/9/2019, Mai Thị V đã mua từ Phạm Trung T1 bán tổng cộng 35 số hóa đơn GTGT “khổng” (không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo) của Công ty B1 xuất cho Công ty S, với tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn là 10.580.000.000đồng, tổng tiền thuế VAT là 1.058.000.000đồng, tổng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 11.638.000.000đồng. Mai Thị V bán các hóa đơn này cho Dương Thị Á, Á bán lại cho Nguyễn Thị Thúy H.

- Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 16/9/2019, việc chuyển tiền, đảo tiền để hợp thức chứng từ thanh toán hóa đơn qua Ngân hàng của các tài khoản Công ty B1, Công ty S, của Dương Thị Á, Mai Thị V và Nguyễn Thị Thúy H như sau:

Dương Thị Á đã rút 5 lần với tổng số tiền 13.355.300.000đồng từ tài khoản của Công ty Cổ phần B1; sau đó Á đã 3 lần nộp tiền vào tài khoản của Công ty S với tổng số tiền 7.204.622.475.000đồng. Công ty S chuyển 3 lần với tổng số tiền 7.207.000.000đồng vào tài khoản của Công ty Cổ phần B1. Sau đó Á đã rút số tiền này để chuyển cho H và các tài khoản do H chỉ định.

Mai Thị V đã rút 2 lần với tổng số tiền 7.560.000.000đồng. V đưa cho Á số tiền 2.999.010.327đồng để Á nộp vào tài khoản của Công ty S.

Về nguồn gốc số tiền Dương Thị Á và Mai Thị V rút ra khỏi tài khoản của Công ty cổ phần B1 và nộp vào tài khoản của Công ty S là tiền Nguyễn Thị Thúy H sử dụng để hợp thức việc thanh toán mua bán hàng hóa không có thật và đảo tiền.

- Về số tiền mua bán trái phép hóa đơn: Tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên 35 số hóa đơn GTGT khổng của Công ty B1 xuất cho Công ty S là 10.580.000.000đồng.

+ Nguyễn Thị Thúy H trả tiền mua hóa đơn cho Dương Thị Á với số tiền là 634.800.000đồng (10.580.000.000đồng x 6%) tương đương với 6% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

+ Dương Thị Á trả tiền mua hóa đơn cho Mai Thị V với số tiền là 581.900.000đồng (10.580.000.000đồng x 5,5%) tương đương với 5,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. Á hưởng lợi bất chính số tiền là 52.900.000đồng (10.580.000.000đồng x 0,5%) tương đương với 0,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

+ Mai Thị V trả tiền mua hóa đơn cho Phạm Trung T1 với số tiền là 529.000.000đồng (10.580.000.000đ x 5%) tương đương với 5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. V hưởng lợi bất chính số tiền là 52.900.000đồng (10.580.000.000đ x 0,5%) tương đương với 0,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

* Tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên 74 số hóa đơn GTGT khổng của Công ty B1 xuất cho Công ty G và Công ty S là 28.680.000.000đồng. Số tiền Dương Thị Á và Mai Thị V thu lợi bất chính như sau:

+ Tổng số tiền Dương Thị Á thu lợi bất chính là 143.400.000đồng (28.680.000.000đồng x 0,5%) tương đương với 0,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

+ Tổng số tiền Mai Thị V thu lợi bất chính là 143.400.000đồng (28.680.000.000đồng x 0,5%) tương đương với 0,5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Trong vai trò trung gian Mai Thị V, Dương Thị Á đã mua 74 hoá đơn GTGT không từ Công ty B1 xuất cho Công ty G và Công ty S là 28.680.000.000đồng. Tổng số tiền Mai Thị V, Dương Thị Á hưởng là 143.400.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Mai Thị V và Dương Thị Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận Giám định số 1076/KL- KTHS ngày 30/9/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh N kết luận:

- Dương Thị Á là người viết nội dung, ký người nộp tiền trên các Giấy nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty G (số tài khoản 21410002772233), đối với các chứng từ, Dương Thị Á là người viết nội dung, ký người lĩnh tiền trên các tờ Séc rút tiền ra khỏi tài khoản của Công ty cổ phần B1 (số tài khoản 48010000601891) đối với các chứng từ.

- Mai Thị V là người ký, viết dưới mục “Người nộp tiền” trên Giấy nộp tiền mặt vào tài khoản của Công ty G (số tài khoản 21410002772233) đối với chứng từ số 20 ngày 19/11/2019; Mai Thị V là người viết nội dung, ký người lĩnh tiền trên các tờ Séc rút tiền ra khỏi tài khoản của Công ty cổ phần B1 (số tài khoản 48010000601891) đối với các chứng từ.

Biện pháp tư pháp: Mai Thị V và Dương Thị Á đã tác động gia đình nộp vào ngân sách nhà nước số tiền mà mình đã chiếm hưởng bất hợp pháp của mỗi bị cáo là 143.400.000đồng.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKS-P3 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á mỗi bị cáo từ 250 triệu đồng đến 300 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự:

Buộc bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á phải nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn là 143.400.000 đồng để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á mỗi bị cáo đã nộp lại số tiền 143.400.000 đồng để khắc phục hậu quả. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Á mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Tiếp tục quản lý số tiền trên để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2019 đến ngày 12/3/2020, Mai Thị V đã trực tiếp liên hệ, giao dịch với Phạm Trung T1, là Giám đốc Công ty cổ phần B1 và Vũ Thị N là kế toán của Công ty cổ phần B1; địa chỉ tại xã H, tỉnh Ninh Bình mua trái phép 74 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa chưa thuế là 28.680.000.000 đồng giá 5% của giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn nhưng không có hàng hóa kèm theo của Công ty cổ phần B1, địa chỉ xã H, tỉnh Ninh Bình để bán cho Dương Thị Á với giá là 5% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn thu lợi bất chính số tiền 143.400.000 đồng. Sau đó Á bán lại 74 hóa đơn trên cho Nguyễn Thị Thúy H là kế toán của Công ty TNHH G, địa chỉ khu A xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ (39 hóa đơn) và Công ty TNHH S, địa chỉ số D, Hoàng Ngọc P, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng (35 hóa đơn) với giá 6% của tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn để thu lợi bất chính số tiền 143.400.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” thuộc trường hợp “hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên”. “thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên”; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước.

1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000đồng đến dưới 100.000.000đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 200.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

d) Hoá đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hoá đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;

đ) T2 lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm thất thu ngân sách của Nhà nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe các bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

Xét vai trò trách nhiệm của các bị cáo: Bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Á có vai trò trung gian, đã mua 74 hóa đơn GTGT khống từ Công ty B1 xuất cho Công ty G và Công ty S trị giá 28.680.000.000đồng. Tổng số tiền bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Ánh C1 hưởng, thu lợi bất chính là 143.400.000đồng. Như vậy, vai trò trách nhiệm của các bị cáo đều như nhau.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Á không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á đã tác động cùng gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính của mỗi bị cáo là 143.400.000đồng

vào ngân sách Nhà nước, (tổng số tiền là 286.800.000 đồng tại Ủy nhiệm chi số 593 ngày 06/5/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình). Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Á mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh N để đảm bảo việc thi hành án (theo biên lai thu số 0001676 ngày 05/5/2026 và biên lai thu số 0001703 ngày 06/5/2026). Ngoài ra bị cáo Dương Thị Á còn xuất trình tài liệu: Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông Dương Quang T; Giấy chứng nhận Ban chỉ huy đội Thanh Niên xung phong C3.37; Giấy chứng nhận huy hiệu chiến sỹ T của ông Dương Quang T (là bố đẻ bị cáo Á) và Huân chương kháng chiến hạng Ba của ông Dương Quang T3; Tổ quốc ghi công Liệt sỹ Dương Quang T3 (là chú ruột bị cáo Á); Bảng gia đình về vang của ông Dương Văn V2 và bà Phạm Thị K1 (ông bà nội bị cáo Á). Bị cáo Mai Thị V xuất trình: Huân chương kháng chiến hạng Nhì của bà Hoàng Thị V1 (là mẹ đẻ bị cáo V). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, nên Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo. Bên cạnh đó, thấy rằng các bị cáo có khả năng thi hành ngay hình phạt tiền vì trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo V và bị cáo Á đã tự nguyện mỗi bị cáo nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Do các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra xác định bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á đã có hành vi mua, bán trái phép 74 hóa đơn GTGT “không” (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo thu lợi bất chính mỗi bị cáo số tiền là 143.400.000 đồng). Do đó buộc các bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Á phải nộp lại số tiền trên để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Trong vụ án này ngoài hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên, còn có hành vi khác có liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

- Đối với ông Y ZUOSONG sinh năm 1980, quốc tịch: Trung Quốc. Quá trình điều tra Nguyễn Thị Thúy H khai nhận YANG ZUOSONG là người quản lý điều hành hoạt động của Công ty TNHH G, Công ty TNHH S và trực tiếp liên quan đến việc mua 74 số hóa đơn GTGT không của Công ty cổ phần B1. Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định YANG ZUOSONG có hành vi Mua bán trái phép hóa đơn nên không đủ căn cứ để xử lý.

- Đối với người đàn ông tên Vũ Đình T4 (hoặc Vũ Đình C2), cư trú trên địa bàn huyện X, tỉnh Nam Định cũ, là chủ doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực xây dựng; Á và V khai quen ông T1 qua ông T4, ông T4 biết việc Phạm Trung T1 bán trái phép hóa đơn cho Á và V. Tuy nhiên, đến nay không xác minh được Vũ Đình T4 ở đâu, làm gì, nên không đủ căn cứ để xử lý.

- Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn của Phạm Trung T1 (Giám đốc Công ty B1) và Vũ Thị N (Kế toán Công ty B1). Ngày 20/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (cũ) đã xét xử và tuyên phạt Phạm Trung T1 24 tháng tù; Vũ Thị N 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Đến tháng 6/2025 ông Phạm Trung T1 đã chết do bệnh lý.

- Đối với hành vi mua trái phép 74 hóa đơn của Nguyễn Thị Thúy H là kế toán của Công ty TNHH S và Công ty TNHH G. Ngày 06/02/2026 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã xét xử và tuyên phạt Nguyễn Thị Thúy H số tiền 250.000.000đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

[6] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và định của quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Xử phạt: bị cáo Mai Thị V 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Xử phạt: bị cáo Dương Thị Á 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á mỗi bị

cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 143.400.000đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á mỗi bị cáo đã nộp lại số tiền 143.400.000đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để khắc phục hậu quả, *(tổng số tiền là 286.800.000đồng theo Ủy nhiệm chi số 593 ngày 06/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).*

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, *(Bị cáo V nộp số tiền là 100.000.000đồng tại Biên lai thu tiền số 0001703 ngày 06/5/2026; bị cáo Dương Thị Á nộp số tiền là 100.000.000đồng tại Biên lai thu tiền số 0001676 ngày 05/5/2026.)*

* Tiếp tục quản lý số tiền trên của các bị cáo Mai Thị V và bị cáo Dương Thị Á để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Các bị cáo Mai Thị V và Dương Thị Á mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (01 bản);
 - VKSND Tối cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (02 bản);
 - Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Phòng GĐKT, TT&THA (01 bản);
 - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS & NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Các bị cáo (02 bản);
 - Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
 - Lưu Tòa hình sự (01 bản)
 - Lưu hành chính tư pháp (01 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Sâm

